

Số: ~~424~~ 24/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 26 tháng 8 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sáp nhập, đổi tên các bản, tổ dân phố thuộc thành phố
Điện Biên Phủ, huyện Mường Ảng và thị xã Mường Lay**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Sau khi xem xét Tờ trình số 2428/TTr-UBND ngày 16/8/2019 của UBND tỉnh Điện Biên Về việc sáp nhập, đổi tên các bản, tổ dân phố thuộc thành phố Điện Biên Phủ, huyện Mường Ảng và thị xã Mường Lay và Báo cáo thẩm tra số 38/BC-DT ngày 23/8/2019 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh, ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định sáp nhập, đổi tên các bản, tổ dân phố thuộc thành phố Điện Biên Phủ, huyện Mường Ảng và thị xã Mường Lay cụ thể như sau:

1. Thành phố Điện Biên Phủ: Sáp nhập 109 bản, tổ dân phố để thành lập 52 bản, tổ dân phố; đổi tên 06 tổ dân phố. Sau khi sáp nhập thành phố Điện Biên Phủ có 107 bản, tổ dân phố.
2. Huyện Mường Ảng: Sáp nhập 42 bản, tổ dân phố để thành lập 21 bản, tổ dân phố. Sau khi sáp nhập huyện Mường Ảng có 118 bản, tổ dân phố.
3. Thị xã Mường Lay: Sáp nhập 21 bản, tổ dân phố để thành lập 10 bản, tổ dân phố; đổi tên 02 tổ dân phố. Sau khi sáp nhập thị xã Mường Lay có 38 bản, tổ dân phố.

(Có danh sách sáp nhập, đổi tên bản, tổ dân phố kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và bãi bỏ điểm 4.3, điểm 4.4 và nội dung gạch đầu dòng thứ 3 điểm 4.6 khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 344/NQ-HĐND ngày 23/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khoá XIV, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 26 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Điện Biên Phủ.
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Muôn



DANH SÁCH
SÁP NHẬP, ĐỔI TÊN CÁC BẢN, TỔ DÂN PHỐ
THUỘC THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, HUYỆN
MƯỜNG ẢNG VÀ THỊ XÃ MƯỜNG LAY

(Kèm theo Nghị quyết số: 124/NQ-HĐND ngày 26/8/2019 của HĐND tỉnh)

A. SÁP NHẬP BẢN, TỔ DÂN PHỐ THUỘC THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, HUYỆN MƯỜNG ẢNG VÀ THỊ XÃ MƯỜNG LAY

I. THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ: Sáp nhập 109 bản, tổ dân phố để thành lập 52 bản, tổ dân phố.

1. Phường Mường Thanh: Sáp nhập 32 tổ dân phố để thành lập 15 tổ dân phố.

1.1. Sáp nhập 102 hộ, 319 nhân khẩu của tổ dân phố 1 và 71 hộ, 292 nhân khẩu của tổ dân phố 2 và 60 hộ, 243 nhân khẩu của tổ dân phố 3 và một phần của tổ dân phố 4 (20 hộ, 54 nhân khẩu) và 01 hộ, 02 nhân khẩu của tổ dân phố 5 để thành lập tổ dân phố 1. Tổ dân phố 1 sau khi thành lập có 254 hộ, 910 nhân khẩu.

1.2. Sáp nhập 56 hộ, 250 nhân khẩu của tổ dân phố 5 và 118 hộ, 492 nhân khẩu của tổ dân phố 6 và phần còn lại của tổ dân phố 4 (44 hộ, 174 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 2. Tổ dân phố 2 sau khi thành lập có 218 hộ, 916 nhân khẩu.

1.3. Sáp nhập 82 hộ, 349 nhân khẩu của tổ dân phố 7 và 105 hộ, 442 nhân khẩu của tổ dân phố 8 và 60 hộ, 212 nhân khẩu của tổ dân phố 9 để thành lập tổ dân phố 3. Tổ dân phố 3 sau khi thành lập có 247 hộ, 1003 nhân khẩu.

1.4. Sáp nhập 69 hộ, 262 nhân khẩu của tổ dân phố 10 và 58 hộ, 218 nhân khẩu của tổ dân phố 11 và 56 hộ, 194 nhân khẩu của tổ dân phố 12 để thành lập tổ dân phố 4. Tổ dân phố 4 sau khi thành lập có 183 hộ, 674 nhân khẩu.

1.5. Sáp nhập 147 hộ, 570 nhân khẩu của tổ dân phố 13 và một phần của tổ dân phố 14 (98 hộ, 358 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 5. Tổ dân phố 5 sau khi thành lập có 245 hộ, 928 nhân khẩu.

1.6. Sáp nhập 131 hộ, 448 nhân khẩu của tổ dân phố 15 và phần còn lại của tổ dân phố 14 (30 hộ, 123 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 6. Tổ dân phố 6 sau khi thành lập có 161 hộ, 571 nhân khẩu.

1.7. Sáp nhập 90 hộ, 309 nhân khẩu của tổ dân phố 16 và 75 hộ, 278 nhân khẩu của tổ dân phố 17 để thành lập tổ dân phố 7. Tổ dân phố 7 sau khi thành lập có 165 hộ, 587 nhân khẩu.

1.8. Sáp nhập 121 hộ, 410 nhân khẩu của tổ dân phố 20 và một phần của tổ dân phố 21 (21 hộ, 88 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 8. Tổ dân phố 8 sau khi thành lập có 142 hộ, 498 nhân khẩu.

1.9. Sáp nhập 74 hộ, 274 nhân khẩu của tổ dân phố 18 và 86 hộ, 299 nhân khẩu của tổ dân phố 19 và một phần của tổ dân phố 21 (46 hộ, 197 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 9. Tổ dân phố 9 sau khi thành lập có 206 hộ, 770 nhân khẩu.

1.10. Sáp nhập 95 hộ, 372 nhân khẩu của tổ dân phố 31 và 78 hộ, 320 nhân khẩu của tổ dân phố 32 và một phần của tổ dân phố 30 (49 hộ, 315 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 10. Tổ dân phố 10 sau khi thành lập có 222 hộ, 1007 nhân khẩu.

1.11. Sáp nhập 87 hộ, 317 nhân khẩu của tổ dân phố 27 và phần còn lại của tổ dân phố 21 (17 hộ, 49 nhân khẩu) và một phần của tổ dân phố 22 (11 hộ, 37 nhân khẩu) và một phần của tổ dân phố 28 (13 hộ, 41 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 11. Tổ dân phố 11 sau khi thành lập có 128 hộ, 444 nhân khẩu.

1.12. Sáp nhập 115 hộ, 492 nhân khẩu của tổ dân phố 29 và phần còn lại của tổ dân phố 28 (85 hộ, 428 nhân khẩu) và phần còn lại của tổ dân phố 30 (20 hộ, 128 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 12. Tổ dân phố 12 sau khi thành lập có 220 hộ, 1048 nhân khẩu.

1.13. Sáp nhập 115 hộ, 422 nhân khẩu của tổ dân phố 26 và một phần của tổ dân phố 25 (23 hộ, 89 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 13. Tổ dân phố 13 sau khi thành lập có 138 hộ, 511 nhân khẩu.

1.14. Sáp nhập 91 hộ, 348 nhân khẩu của tổ dân phố 24 và phần còn lại của tổ dân phố 25 (89 hộ, 315 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 14. Tổ dân phố 14 sau khi thành lập có 180 hộ, 663 nhân khẩu.

1.15. Sáp nhập 87 hộ, 391 nhân khẩu của tổ dân phố 23 và phần còn lại của tổ dân phố 22 (86 hộ, 343 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 15. Tổ dân phố 15 sau khi thành lập có 173 hộ, 734 nhân khẩu.

2. Phường Tân Thanh: Sáp nhập 25 tổ dân phố để thành lập 10 tổ dân phố

2.1. Sáp nhập 51 hộ, 225 nhân khẩu của tổ dân phố 1 và 65 hộ, 275 nhân khẩu của tổ dân phố 11 và 98 hộ, 375 nhân khẩu của tổ dân phố 12 để thành lập tổ dân phố 1. Tổ dân phố 1 sau khi thành lập có 214 hộ, 875 nhân khẩu.

2.2. Sáp nhập 65 hộ, 274 nhân khẩu của tổ dân phố 2 và 56 hộ, 214 nhân khẩu của tổ dân phố 3 và 64 hộ, 312 nhân khẩu của tổ dân phố 4 để thành lập tổ dân phố 2. Tổ dân phố 2 sau khi thành lập có 185 hộ, 800 nhân khẩu.

2.3. Sáp nhập 108 hộ, 454 nhân khẩu của tổ dân phố 5 và 65 hộ, 200 nhân khẩu của tổ dân phố 6 và 58 hộ, 190 nhân khẩu của tổ dân phố 7 và một phần của tổ dân phố 8 (18 hộ, 54 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 3. Tổ dân phố 3 sau khi thành lập có 249 hộ, 898 nhân khẩu.

2.4. Sáp nhập một phần của tổ dân phố 8 (38 hộ, 167 nhân khẩu) và 94 hộ, 344 nhân khẩu của tổ dân phố 9 và 87 hộ, 378 nhân khẩu của tổ dân phố 10, để thành lập tổ dân phố 4. Tổ dân phố 4 sau khi thành lập có 219 hộ, 889 nhân khẩu.

2.5. Sáp nhập 59 hộ, 230 nhân khẩu của tổ dân phố 13 và 130 hộ, 470 nhân khẩu của tổ dân phố 14 và 75 hộ, 345 nhân khẩu của tổ dân phố 19 để thành lập tổ dân phố 5. Tổ dân phố 5 sau khi thành lập có 264 hộ, 1045 nhân khẩu.

2.6. Sáp nhập 161 hộ, 569 nhân khẩu của tổ dân phố 20 và 85 hộ, 360 nhân khẩu của tổ dân phố 21 để thành lập tổ dân phố 6. Tổ dân phố 6 sau khi thành lập có 246 hộ, 929 nhân khẩu.

2.7. Sáp nhập 138 hộ, 481 nhân khẩu của tổ dân phố 22 và 124 hộ, 460 nhân khẩu của tổ dân phố 24 để thành lập tổ dân phố 7. Tổ dân phố 7 sau khi thành lập có 262 hộ, 941 nhân khẩu.

2.8. Sáp nhập 89 hộ, 315 nhân khẩu của tổ dân phố 23 và 57 hộ, 218 nhân khẩu của tổ dân phố 25 để thành lập tổ dân phố 8. Tổ dân phố 8 sau khi thành lập có 146 hộ, 533 nhân khẩu.

2.9. Sáp nhập 100 hộ, 350 nhân khẩu của tổ dân phố 15 và một phần của tổ dân phố 16 (74 hộ, 285 nhân khẩu) và phần còn lại của tổ dân phố 8 (38 hộ, 114 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 9. Tổ dân phố 9 sau khi thành lập có 212 hộ, 749 nhân khẩu.

2.10. Sáp nhập 77 hộ, 312 nhân khẩu của tổ dân phố 17 và 136 hộ, 500 nhân khẩu của tổ dân phố 18 và phần còn lại của tổ dân phố 16 (20 hộ, 60 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 10. Tổ dân phố 10 sau khi thành lập có 233 hộ, 872 nhân khẩu.

3. Phường Thanh Bình: Sáp nhập 16 tổ dân phố để thành lập 7 tổ dân phố

3.1. Sáp nhập 76 hộ, 263 nhân khẩu của tổ dân phố 1 và 75 hộ, 277 nhân khẩu của tổ dân phố 2 và 76 hộ, 288 nhân khẩu của tổ dân phố 3 để thành lập tổ dân phố 1. Tổ dân phố 1 sau khi thành lập có 227 hộ, 828 nhân khẩu.

3.2. Sáp nhập 69 hộ, 267 nhân khẩu của tổ dân phố 4 với 91 hộ, 310 nhân khẩu của tổ dân phố 5 và 91 hộ, 324 nhân khẩu của tổ dân phố 6; một phần của tổ dân phố 7 (27 hộ, 90 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 2. Tổ dân phố 2 sau khi thành lập có 278 hộ, 991 nhân khẩu.

3.3. Sáp nhập phần còn lại của tổ dân phố 7 (53 hộ, 200 nhân khẩu) và 94 hộ, 297 nhân khẩu của tổ dân phố 8 và 64 hộ, 246 nhân khẩu của tổ dân phố 9 để thành lập tổ dân phố 3. Tổ dân phố 3 sau khi thành lập có 211 hộ, 743 nhân khẩu.

3.4. Sáp nhập 96 hộ, 337 nhân khẩu của tổ dân phố 10 và 80 hộ, 320 nhân khẩu của tổ dân phố 12 để thành lập tổ dân phố 4. Tổ dân phố 4 sau khi thành lập có 176 hộ, 657 nhân khẩu.

3.5. Sáp nhập 78 hộ, 292 nhân khẩu của tổ dân phố 11 và 82 hộ, 288 nhân khẩu của tổ dân phố 13 để thành lập tổ dân phố 5. Tổ dân phố 5 sau khi thành lập có 160 hộ, 580 nhân khẩu.

3.6. Sáp nhập 115 hộ, 376 nhân khẩu của tổ dân phố 14 và một phần của tổ dân phố 15 (100 hộ, 324 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 6. Tổ dân phố 6 sau khi thành lập có 215 hộ, 700 nhân khẩu.

3.7. Sáp nhập 115 hộ, 435 nhân khẩu của tổ dân phố 16 và phần còn lại của tổ dân phố 15 (5 hộ, 21 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 7. Tổ dân phố 7 sau khi thành lập có 120 hộ, 456 nhân khẩu.

4. Phường Thanh Trường: Sáp nhập 4 tổ dân phố để thành lập 2 tổ dân phố

4.1 Sáp nhập 104 hộ, 547 nhân khẩu của tổ dân phố 1 và 64 hộ, 213 nhân khẩu của tổ dân phố 7 để thành lập tổ dân phố 1. Tổ dân phố 1 sau khi thành lập có 168 hộ, 760 nhân khẩu.

4.2 Sáp nhập 86 hộ, 350 nhân khẩu của tổ dân phố 9 và 86 hộ, 345 nhân khẩu của tổ dân phố 11 để thành lập tổ dân phố 9. Tổ dân phố 9 sau khi thành lập có 172 hộ, 695 nhân khẩu.

5. Phường Nam Thanh: Sáp nhập 10 tổ dân phố để thành lập 05 tổ dân phố

5.1. Sáp nhập 57 hộ, 226 nhân khẩu của tổ dân phố 1 và 88 hộ, 295 nhân khẩu của tổ dân phố 3 để thành lập tổ dân phố 1. Tổ dân phố 1 sau khi thành lập có 145 hộ, 521 nhân khẩu.

5.2. Sáp nhập 82 hộ, 288 nhân khẩu của tổ dân phố 2 và 61 hộ, 215 nhân khẩu của tổ dân phố 4 để thành lập tổ dân phố 2. Tổ dân phố 2 sau khi thành lập có 143 hộ, 503 nhân khẩu.

5.3. Sáp nhập 112 hộ, 393 nhân khẩu của tổ dân phố 6 và 97 hộ, 276 nhân khẩu của tổ dân phố 12 để thành lập tổ dân phố 4. Tổ dân phố 4 sau khi thành lập có 209 hộ, 669 nhân khẩu.

5.4. Sáp nhập 97 hộ, 324 nhân khẩu của tổ dân phố 9 và 95 hộ, 338 nhân khẩu của tổ dân phố 11 để thành lập tổ dân phố 7. Tổ dân phố 7 sau khi thành lập có 192 hộ, 662 nhân khẩu.

5.5. Sáp nhập 78 hộ, 270 nhân khẩu của tổ dân phố 15 và 142 hộ, 453 nhân khẩu của tổ dân phố 16 để thành lập tổ dân phố 11. Tổ dân phố 11 sau khi thành lập có 220 hộ, 723 nhân khẩu.

6. Phường Him Lam: Sáp nhập 12 bản, tổ dân phố để thành lập 06 bản, tổ dân phố

6.1. Sáp nhập 111 hộ, 294 nhân khẩu của tổ dân phố 3 và 139 hộ, 446 nhân khẩu của tổ dân phố 4 để thành lập tổ dân phố 3. Tổ dân phố 3 sau khi thành lập có 250 hộ, 740 nhân khẩu.

6.2. Sáp nhập 73 hộ, 214 nhân khẩu của tổ dân phố 8 và 77 hộ, 250 nhân khẩu của tổ dân phố 13 để thành lập tổ dân phố 8. Tổ dân phố 8 sau khi thành lập có 150 hộ, 464 nhân khẩu.

6.3. Sáp nhập 150 hộ, 435 nhân khẩu của tổ dân phố 9 và 47 hộ, 192 nhân khẩu của tổ dân phố 10 để thành lập tổ dân phố 9. Tổ dân phố 9 sau khi thành lập có 197 hộ, 627 nhân khẩu.

6.4. Sáp nhập 71 hộ, 268 nhân khẩu của tổ dân phố 11 và 52 hộ, 215 nhân khẩu của tổ dân phố 12 để thành lập tổ dân phố 11. Tổ dân phố 11 sau khi thành lập có 123 hộ, 483 nhân khẩu.

6.5. Sáp nhập 88 hộ, 334 nhân khẩu của tổ dân phố 21 và 96 hộ, 335 nhân khẩu của tổ dân phố 22 để thành lập tổ dân phố 21. Tổ dân phố 21 sau khi thành lập có 184 hộ, 669 nhân khẩu.

6.6. Sáp nhập 103 hộ, 367 nhân khẩu của tổ dân phố 7 và 65 hộ, 267 nhân khẩu của bản Him Lam 1 để thành lập bản Him Lam 1. Bản Him Lam 1 sau khi thành lập có 168 hộ, 634 nhân khẩu.

7. Phường Noong Bua: Sáp nhập 10 bản, tổ dân phố để thành lập 7 tổ dân phố

7.1. Sáp nhập một phần của tổ dân phố 4 (99 hộ, 415 nhân khẩu) và 41 hộ, 179 nhân khẩu của bản Khe Chít để thành lập tổ dân phố 4 Khe Chít. Tổ dân phố 4 Khe Chít sau khi thành lập có 140 hộ, 594 nhân khẩu.

7.2. Sáp nhập 139 hộ, 518 nhân khẩu của tổ dân phố 5 và phần còn lại của tổ dân phố 4 (26 hộ, 100 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 5. Tổ dân phố 5 sau khi thành lập có 165 hộ, 618 nhân khẩu.

7.3. Sáp nhập 95 hộ, 343 nhân khẩu của tổ dân phố 6 và một phần của tổ dân phố 7 (45 hộ, 156 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 6. Tổ dân phố 6 sau khi thành lập có 140 hộ, 499 nhân khẩu.

7.4. Sáp nhập một phần của tổ dân phố 7 (35 hộ, 127 nhân khẩu) và 94 hộ, 326 nhân khẩu của tổ dân phố 8 để thành lập tổ dân phố 7. Tổ dân phố 7 sau khi thành lập có 129 hộ, 453 nhân khẩu.

7.5. Sáp nhập 105 hộ, 326 nhân khẩu của tổ dân phố 9 và một phần của tổ dân phố 10 (47 hộ, 142 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 8. Tổ dân phố 8 sau khi thành lập có 152 hộ, 468 nhân khẩu.

7.6. Sáp nhập 83 hộ, 326 nhân khẩu của tổ dân phố 11 và phần còn lại của tổ dân phố 10 (56 hộ, 242 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 9. Tổ dân phố 9 sau khi thành lập có 139 hộ, 568 nhân khẩu.

7.7. Sáp nhập 102 hộ, 398 nhân khẩu của tổ dân phố 12 và phần còn lại của tổ dân phố 7 (21 hộ, 68 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 10. Tổ dân phố 10 sau khi thành lập có 123 hộ, 466 nhân khẩu.

II. HUYỆN MUỜNG ẢNG: Sáp nhập 42 bản, tổ dân phố để thành lập 21 bản, tổ dân phố.

1. Xã Ngòi Cáy: Sáp nhập 02 bản để thành lập 01 bản

Sáp nhập 56 hộ, 216 nhân khẩu của bản Co Cọ và 69 hộ, 284 nhân khẩu của bản Nong để thành lập bản Nong. Bản Nong sau khi thành lập có 125 hộ, 500 nhân khẩu.

2. Xã Mường Đăng: Sáp nhập 02 bản để thành lập 01 bản

Sáp nhập 67 hộ, 324 nhân khẩu của bản Thái và 53 hộ, 273 nhân khẩu của bản Huổi Tăng để thành lập bản Thái. Bản Thái sau khi thành lập có 120 hộ, 597 nhân khẩu.

3. Xã Ảng Nưa: Sáp nhập 02 bản để thành lập 01 bản

Sáp nhập 70 hộ, 304 nhân khẩu của bản Na Hán và 46 hộ, 223 nhân khẩu của bản Na Luông để thành lập bản Na Luông. Bản Na Luông sau khi thành lập có 116 hộ, 527 nhân khẩu.

4. Xã Ảng Cang: Sáp nhập 06 bản để thành lập 03 bản.

4.1. Sáp nhập 127 hộ, 501 nhân khẩu của bản Bánh và 51 hộ, 225 nhân khẩu của bản Cỏi để thành lập bản Cỏi Bánh. Bản Cỏi Bánh sau khi thành lập có 178 hộ, 726 nhân khẩu.

4.2. Sáp nhập 37 hộ, 155 nhân khẩu của bản Hón và 93 hộ, 377 nhân khẩu của bản Sáng để thành lập bản Hón Sáng. Bản Hón Sáng sau khi thành lập có 130 hộ, 532 nhân khẩu.

4.3. Sáp nhập 54 hộ, 225 nhân khẩu của bản Huổi Súra và 97 hộ, 394 nhân khẩu của bản Huổi Súra Cuông để thành lập bản Huổi Súra. Bản Huổi Súra sau khi thành lập có 151 hộ, 619 nhân khẩu.

5. Thị trấn Mường Ảng: Sáp nhập 2 tổ dân phố để thành lập 01 tổ dân phố

Sáp nhập 86 hộ, 298 nhân khẩu của tổ dân phố 1 và 94 hộ, 367 nhân khẩu của tổ dân phố 2 để thành lập tổ dân phố 1. Tổ dân phố 1 sau khi thành lập có 180 hộ, 665 nhân khẩu.

6. Xã Ảng Tở: Sáp nhập 02 bản để thành lập 01 bản.

Sáp nhập 104 hộ, 478 nhân khẩu của bản Tọ Nọ và 78 hộ, 345 nhân khẩu của bản Tọ Cang để thành lập bản Tọ. Bản Tọ sau khi thành lập có 182 hộ, 823 nhân khẩu.

7. Xã Nậm Lịch: Sáp nhập 02 bản để thành lập 01 bản

Sáp nhập 64 hộ, 259 nhân khẩu của bản Ten Muông và 92 hộ, 384 nhân khẩu của bản Lịch Cang để thành lập bản Lịch Cang. Bản Lịch Cang sau khi thành lập có 156 hộ, 643 nhân khẩu.

8. Xã Mường Lạn: Sáp nhập 06 bản để thành lập 03 bản

8.1. Sáp nhập 55 hộ, 292 nhân khẩu của bản Hua Ná A và 58 hộ, 282 nhân khẩu của bản Hua Ná B để thành lập bản Hua Ná. Bản Hua Ná sau khi thành lập có 113 hộ, 574 nhân khẩu.

8.2. Sáp nhập 94 hộ, 438 nhân khẩu của bản Lạn A và 56 hộ, 281 nhân khẩu của bản Lạn B để thành lập bản Lạn. Bản Lạn sau khi thành lập có 150 hộ, 719 nhân khẩu.

8.3. Sáp nhập 51 hộ, 249 nhân khẩu của bản Bon và 64 hộ, 294 nhân khẩu của bản Co Muông để thành lập bản Bon. Bản Bon sau khi thành lập có 115 hộ, 543 nhân khẩu.

9. Xã Xuân Lao: Sáp nhập 12 bản để thành lập 6 bản

9.1. Sáp nhập 61 hộ, 275 nhân khẩu của bản Kéo và 55 hộ, 260 nhân khẩu bản Co Hịa để thành lập bản Kéo. Bản Kéo sau khi thành lập có 116 hộ, 535 nhân khẩu.

9.2. Sáp nhập 45 hộ, 219 nhân khẩu của bản Pháy và 42 hộ, 198 nhân khẩu của bản Pá Uôi để thành lập bản Pháy Váng. Bản Pháy Váng sau khi thành lập có 87 hộ, 417 nhân khẩu.

9.3. Sáp nhập một phần của bản Chiềng Xôm (21 hộ, 88 nhân khẩu) và 125 hộ, 649 nhân khẩu của bản Món Hà để thành lập bản Món Hà. Bản Món Hà sau khi thành lập có 146 hộ, 737 nhân khẩu.

9.4. Sáp nhập phần còn lại của bản Chiềng Xôm (16 hộ, 71 nhân khẩu) và 74 hộ, 367 nhân khẩu của bản Lao và 71 hộ, 339 nhân khẩu của bản Chiềng Lao để thành lập bản Lao. Bản Lao sau khi thành lập có 161 hộ, 777 nhân khẩu.

9.5. Sáp nhập 71 hộ, 433 nhân khẩu của bản Khén và 53 hộ, 268 nhân khẩu của bản Xuân Lúa để thành lập bản Khén. Bản Khén sau khi thành lập có 124 hộ, 701 nhân khẩu.

9.6. Sáp nhập 20 hộ, 144 nhân khẩu của bản Chùa Sấu và 13 hộ, 74 nhân khẩu của bản Thăm Châu để thành lập bản Chùa Sấu. Bản Chùa Sấu sau khi thành lập có 33 hộ, 218 nhân khẩu.

10. Xã Búng Lao: Sáp nhập 06 bản để thành lập 03 bản.

10.1 Sáp nhập 75 hộ, 241 nhân khẩu của bản Quyết Tiến 1 và 100 hộ, 282 nhân khẩu của bản Quyết Tiến 2 để thành lập bản Quyết Tiến. Bản Quyết Tiến sau khi thành lập có 175 hộ, 523 nhân khẩu.

10.2. Sáp nhập 99 hộ, 477 nhân khẩu của bản Búng 1 và 73 hộ, 374 nhân khẩu của bản Búng 2 để thành lập bản Búng. Bản Búng sau khi thành lập có 172 hộ, 851 nhân khẩu.

10.3. Sáp nhập 81 hộ, 375 nhân khẩu của bản Nà Lấu và 70 hộ, 320 nhân khẩu của bản Lấu Cang để thành lập bản Nà Lấu. Bản Nà Lấu sau khi thành lập có 151 hộ, 695 nhân khẩu.

III. THỊ XÃ MUÔNG LAY: Sáp nhập 21 bản, tổ dân phố để thành lập 10 bản, tổ dân phố.

1. Phường Sông Đà: Sáp nhập 03 tổ dân phố để thành lập 02 tổ dân phố

1.1. Sáp nhập 53 hộ, 167 nhân khẩu của tổ dân phố 1 và một phần của tổ dân phố 3 (11 hộ, 39 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 1. Tổ dân phố 1 sau khi thành lập có 64 hộ, 206 nhân khẩu.

1.2. Sáp nhập 38 hộ, 116 nhân khẩu của tổ dân phố 2 và phần còn lại của tổ dân phố 3 (12 hộ, 40 nhân khẩu) để thành lập tổ dân phố 2. Tổ dân phố 2 sau khi thành lập có 50 hộ, 156 nhân khẩu.

2. Phường Na Lay: Sáp nhập 14 tổ dân phố, bản để thành lập 6 tổ dân phố, bản

2.1. Sáp nhập 42 hộ, 135 nhân khẩu của tổ dân phố 2 với 48 hộ, 162 nhân khẩu của tổ dân phố 3 và 44 hộ, 148 nhân khẩu tổ dân phố 4 để thành lập tổ dân phố 2. Tổ dân phố 2 sau khi thành lập có 134 hộ, 445 nhân khẩu.

2.2. Sáp nhập 47 hộ, 130 nhân khẩu của tổ dân phố 5 và 26 hộ, 87 nhân khẩu của tổ dân phố 6 để thành lập tổ dân phố 3. Tổ dân phố 3 sau khi thành lập có 73 hộ, 217 nhân khẩu.

2.3. Sáp nhập 51 hộ, 197 nhân khẩu của tổ dân phố 7 với 51 hộ, 148 nhân khẩu của tổ dân phố 8 và 75 hộ, 231 nhân khẩu tổ dân phố 9 để thành lập tổ dân phố 4. Tổ dân phố 4 sau khi thành lập có 177 hộ, 576 nhân khẩu.

2.4. Sáp nhập 41 hộ, 118 nhân khẩu của tổ dân phố 10 với 44 hộ, 121 nhân khẩu của tổ dân phố 11 để thành lập tổ dân phố 5. Tổ dân phố 5 sau khi thành lập có 85 hộ, 239 nhân khẩu.

2.5. Sáp nhập 56 hộ, 166 nhân khẩu của tổ dân phố 12 và 76 hộ, 254 nhân khẩu của tổ dân phố 13 để thành lập tổ dân phố 6. Tổ dân phố 6 sau khi thành lập có 132 hộ, 420 nhân khẩu.

2.6. Sáp nhập 31 hộ, 144 nhân khẩu của bản Bó và 139 hộ, 548 nhân khẩu của bản Hốc để thành lập bản Hốc. Bản Hốc sau khi thành lập có 170 hộ, 692 nhân khẩu.

3. Xã Lay Nua: Sáp nhập 04 bản để thành lập 02 bản

3.1. Sáp nhập 86 hộ, 355 nhân khẩu của bản Ló 1 và 50 hộ, 197 nhân khẩu của bản Ló 2 để thành lập bản Ló. Bản Ló sau khi thành lập có 136 hộ, 552 nhân khẩu.

3.2. Sáp nhập 36 hộ, 126 nhân khẩu của bản Mé và 71 hộ, 304 nhân khẩu của bản Tạo Sen để thành lập bản Tạo Sen. Bản Tạo Sen sau khi thành lập có 107 hộ, 430 nhân khẩu.

B. ĐỔI TÊN TỔ DÂN PHỐ

I. THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ: Đổi tên 06 tổ dân phố

1. Phường Nam Thanh: Đổi tên 06 tổ dân phố

- Tổ dân phố 5 đổi tên thành tổ dân phố 3.
- Tổ dân phố 7 đổi tên thành tổ dân phố 5.
- Tổ dân phố 8 đổi tên thành tổ dân phố 6.
- Tổ dân phố 10 đổi tên thành tổ dân phố 8.
- Tổ dân phố 13 đổi tên thành tổ dân phố 9.
- Tổ dân phố 14 đổi tên thành tổ dân phố 10.

II. THỊ XÃ MUỜNG LAY: Đổi tên 02 tổ dân phố.

1. Phường Sông Đà: Đổi tên 02 tổ dân phố

- Đổi tên tổ dân phố 5 thành tổ dân phố 3.
 - Đổi tên tổ dân phố 6 thành tổ dân phố 5./.
-